

BÁO CÁO CHI CHẾ ĐỘ TIỀN AN TRÚA CHO TRẺ MẦM NON
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

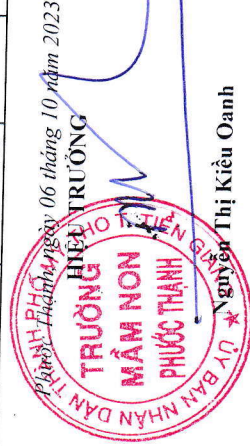
160.000 đ / tháng học thực tế / trẻ. HK I: 4 tháng: 640.000 đồng/học kỳ I

đvt: đồng													
Số TT	Họ tên	Lớp	Độ tuổi 3-4 tuổi					Độ tuổi 5 tuổi					Ghi chú
			Chia ra					Chia ra					
			Con thương binh, liệt sĩ	Khuyết tật	Mồ côi	Cận nghèo	Hộ nghèo	Con thương binh, liệt sĩ	Khuyết tật	Mồ côi	Cận nghèo	Hộ nghèo	
	Tổng			1.280.000	-	640.000	1.280.000		1.280.000	-	2.560.000	640.000	7.680.000
1	Nguyễn Võ Trọng Sơn	Sơn Ca					640.000						640.000
2	Nguyễn Tâm An	Mầm 2					640.000						640.000
3	Hà Ngọc Tú My	Chồi 2		640.000									640.000
4	Phạm Quốc Khang	Chồi 3		640.000									640.000
5	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	Chồi 5					640.000						640.000
6	Dương Gia An Bình	Lá 2							640.000				640.000
7	Nguyễn Võ Trọng Giang	Lá 2											640.000
8	Nguyễn Huỳnh Khánh Nam	Lá 2										640.000	640.000
9	Nguyễn Ngọc Thanh Dương	Lá 3									640.000		640.000
10	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Lá 3									640.000		640.000
11	Nguyễn Hồ Phước Nguyễn	Lá 4									640.000		640.000
12	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	Lá 5							640.000				640.000

KẾ TOÁN



Huỳnh Thị Bé Tám



BÁO CÁO CHẾ ĐỘ MIỄN GIÁM HỌC PHÍ THEO NĐ 81/2021/NĐ-CP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024 (4 tháng)

Số TT	Họ tên	Lớp	TỔNG MIỄN GIÁM	Số lượng đối tượng miễn học phí				Số lượng đối tượng giảm học phí			Ghi chú
				Tổng miễn	Chia ra			Tổng giảm	Chia ra		
					Con thương binh liệt sĩ	khuyết tật	Mồ côi		Hệ nghèo	Cha mẹ bị tai nạn lao động	
	TỔNG		2.508.000	1.848.000	-	1.056.000	-	660.000	-	660.000	
1	Nguyễn Võ Trọng Sơn	Sơn Ca	264.000	264.000							
2	Nguyễn Tâm An	Mầm 2	132.000	-							
3	Hà Ngọc Tú My	Chồi 2	264.000	264.000		264.000		132.000		132.000	
4	Phạm Quốc Khang	Chồi 3	264.000	264.000		264.000		-			
5	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	Chồi 5	264.000	264.000				-			
6	Dương Gia An Bình	Lá 2	264.000	264.000		264.000		-			
7	Nguyễn Võ Trọng Giang	Lá 2	264.000	264.000				-			
8	Nguyễn Huỳnh Khánh Nam	Lá 2	132.000	-				-			
9	Nguyễn Ngọc Thanh Dương	Lá 3	132.000	-				132.000		132.000	
10	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Lá 3	132.000	-				132.000		132.000	
11	Nguyễn Hồ Phước Nguyễn	Lá 4	132.000	-				132.000		132.000	
12	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	Lá 5	264.000	264.000		264.000		132.000		132.000	

KẾ TOÁN

[Signature]

Huỳnh Thị Bé Tám

Phước Thành, ngày 06 tháng 10 năm 2023

HIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kiều Oanh

BÁO CÁO CHI CHẾ ĐỘ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ-CP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

150.000 đ/ tháng/HS, HK I: 4 tháng: 600.000 đồng

Số TT	Họ tên	Lớp	Số lượng đối tượng chi phí học tập				Ghi chú
			TỔNG CHI PHÍ HỌC TẬP	khuyết tật	Mồ côi	Hộ nghèo	
	TỔNG		4.200.000	2.400.000	-	1.800.000	
1	Nguyễn Võ Trọng Sơn	Son Ca	600.000			600.000	
2	Hà Ngọc Tú My	Chòi 2	600.000	600.000			
3	Phạm Quốc Khang	Chòi 3	600.000	600.000			
4	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	Chòi 5	600.000			600.000	
5	Dương Gia An Bình	Lá 2	600.000	600.000			
6	Nguyễn Võ Trọng Giang	Lá 2	600.000			600.000	
7	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	Lá 5	600.000	600.000			

đvt: đồng

KẾ TOÁN



Huỳnh Thị Bé Tám

Phước Thanh, ngày 06 tháng 10 năm 2023

HIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kiều Oanh

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG MN PHƯỚC THẠNH

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC BỔNG
VÀ MUA SẴM ĐỒ DÙNG HỌC TẬP ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT THEO THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ
42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC NGÀY 31/12/2013 HK I NH 2023-2024

TT	Họ tên	Lớp	Số tiền		Tổng cộng	Ghi chú
			Kinh phí hỗ trợ học bổng	Kinh phí hỗ trợ mua đồ dùng học tập		
A	B	C	1=1.800*4 tháng*80%	2=500.000 đ/học kỳ	3=1+2	
	Tổng		17.280.000	1.500.000	18.780.000	
1	Nguyễn Thị A		5.760.000	500.000	6.260.000	
2	Nguyễn Văn B		5.760.000	500.000	6.260.000	
3	Nguyễn Văn C		5.760.000	500.000	6.260.000	

KẾ TOÁN

Mỹ Tho, ngày tháng năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bé Tâm




Nguyễn Thị Kiều Anh